

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thư mời chào giá số: /CV-KNĐL ngày tháng 4 năm 2026
của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk)

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Acetamide Broth (Twin pack)	Chai 100g Gồm 2 phần: phần A và phần B * Phần A (109,4g) có thành phần gồm (g/l): - Magnesium sulfate 0.158g - Sodium chloride 0.2g - Sodium molybdate 0.005g - Ferrous sulfate 0.0005g - Dipotassium hydrogen phosphate 0.2g * Phần B (390,6g) có thành phần gồm (g/l): - Acetamide 2.0 Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	Kiểm tra Pseu trong mẫu nước
2	Antibiotic Assay Medium No.1	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau(g/l) - Pepton: 6g - Casein thủy phân bởi pancreatin: 4,0g - Cao thịt bò: 1,5g - Cao nấm men: 3,0g - Glucose monohydrat: 1,0g - Thạch: 15,0g. Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	Định lượng kháng sinh

3	Coliform Agar ES (CCA)	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Enzymatic Digest of Casein: 1.0 g - Yeast Extract: 2.0 g - Sodium Chloride: 5.0 g - Sodium dihydrogen phosphate dehydrate 2H ₂ O: 2.2 g - Di-sodium Hydrogen Phosphate: 2.7 g - Sodium Pyruvate: 1.0 g - Sorbitol: 1.0 g - Tryptophane: 1.0 g - Tergitol 15-S-7: 0.15 g - 6-chloro-3-indoxyl-beta-D galactopyranoside: 0.2 g - 5-Bromo-4-chloro-3-indoxyl-β-D glucuronic acid: 0.1g - IPTG: 0.1 g - Agar: 13.55 g Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	
4	Cooked meat Agar	Chai 500g Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Peptone : 10,0g - Sodium chloride: 5,0 g - Heart muscle: 454,0g - ‘Lab-Lemco’ Powder: 10,0g - Glucose: 2,0g Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	Nuôi cấy và bảo quản chủng giống VSV

5	Corn meal Agar	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau(g/l) - Corn meal infusion (from 50 g whole maize): 2g - Agar 15.00g Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	Tìm Candida trong Độ nhiễm khuẩn mẫu MP
6	Dichloran Rose Bengal Chloramphenicol Agar (DRBC Agar)	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Sản phẩm thủy phân mô động vật hoặc thực vật bằng enzym: 5,0 g - D- Glucoza: 10,0 g - Kali dihydro phosphat: 1,0 g - Magie sunfat: 0,5 g - Dichloran (2,4-dichloro-4-nitroanilin): 0,002 g - Rose bengal: 0,025 g - Thạch: 12-15 g - Chloramphenicol: 0,1 g Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	Độ nhiễm khuẩn mẫu thuốc và thực phẩm

7	Eugon LT 100 Broth	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l) - Pancreatic digest of casein: 15,0 g - Papaic digest of soybean meal: 5,0 g - L-cystine: 0,7 g - Sodium chloride: 4,0 g - Sodium sunfite: 0,2 g - Glucose: 5,5 g - Egg lecithin: 1,0 g - Polysorbate 80: 5,0 g - Octoxynol 9: 1,0 g * Có giấy chứng nhận COA	Chai	4	Độ nhiễm khuẩn mẫu Mỹ phẩm
8	Fluid thioglycollate medium	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau(g/l) - Tryptone: 15.0 g/l - Yeast Extract: 5.0 g/l - Glucose: 5.5 g/l - Sodium Chloride: 2.5 g/l - Sodium Thioglycollate: 0.5 g/l - L-cystine: 0.5 g/l - Resazurin: 0.001 g/l - Agar: 0.75 g/l Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	Độ vô trùng

9	Mossel, EE Broth	<p>Chai 500g</p> <p>* Môi trường có các thành phần sau (g/l):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Genlatin thủy phân bởi pancreatin: 10,0 g - Glucose monohydrat: 5,0 g - Mật bò khô: 20,0 g - Kali dihydrophosphat: 2,0 g - Dinatri hydrophosphat dihydrat : 8,0 g - Xanh brilliant : 15 mg <p>Có giấy chứng nhận COA</p>	Chai	1	Kiểm tra Enterro mẫu Thuốc
10	Môi trường lỏng Sabouraud - dextrose	<p>Chai 500g</p> <p>* Môi trường có các thành phần sau (g/l):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dextrose: 20,0 g - Casein thủy phân bởi pancreatin: 5,0 g - Pepton từ mô động vật: 5,0 g <p>* Có giấy chứng nhận COA</p>	Chai	2	Độ nhiễm khuẩn mẫu Mỹ phẩm
11	MT Baird Parker Agar Base	<p>Chai 500g</p> <p>* Môi trường có các thành phần sau(g/l)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tryptone: 10.0 g - `Lab-Lemco` powder: 5.0 g - Yeast extract: 1.0 g - Sodium pyruvate: 10.0 g - Glycine: 12.0 g - Lithium chloride: 5.0 g - Agar: 20.0 g <p>*Có giấy chứng nhận COA</p>	Chai	3	

12	MT Brilliant Green Bile Broth 2% (BGBB)	<p>Chai 500g</p> <p>* Môi trường có các thành phần sau (g/l)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch thủy phân casein bằng enzyme: 10g - Lactose (C₁₂H₂₂O₁₁.H₂O): 10g - Mật bò khô: 20g - Lục sáng (Brilliant green): 0,0133g <p>Có giấy chứng nhận COA</p>	Chai	1	Kiểm tra Coliforms mẫu Thực phẩm
13	MT EMB	<p>Chai 500g</p> <p>* Môi trường có các thành phần sau(g/l)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Agar: 15.0 g - Peptone: 10.0 g - Dipotassium hydrogen phosphate: 2.0 g - Eosin Y: 0.4 g - Methylene blue: 0.065g - Lactose: 10.0 g <p>* Có giấy chứng nhận COA</p>	Chai	1	Tìm E.coli trong Độ nhiễm khuẩn mẫu thuốc
14	MT MacConkey Broth	<p>Chai 500g</p> <p>* Môi trường có các thành phần sau(g/l)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Peptone: 20.0 g - Lactose: 10.0 g - Bile salts: 5.0 g - Sodium chloride: 5.0 g - Bromocresol purple: 0.01 g <p>* pH sau khi hấp tiệt khuẩn 7.4 ± 0.2</p> <p>*Có giấy chứng nhận COA</p>	Chai	4	Tìm E.coli trong ĐNK mẫu thuốc và thực phẩm

15	MT MKTTn	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l) - Meat extr act: 4.3g - Enzymatic digest of casein: 8.6g - Ox bile for bacteriological use: 4.78g - Sodium chloride: 2.6g -Calcium carbonate: 38.7g -Sodium thiosulphate, pentahydrate: 47.8g - Brilliant green: 0.0096g Supplements to be added after autoclaving: - Novobiocin sodium salt: 0,04g - Iodine-iodide solution: 20ml + Iodine: 4g +Potassium iodide: 5g Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	Tìm E.coli trong Độ nhiễm khuẩn mẫu thuốc
16	MT Pseudomonas Selective Agar Base (Cetrimide Agar)	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Gelatin peptone: 20.0 g - Magnesium Chloride: 1.4 g - Potassium Sulphate: 10.0 g - Cetrimide: 0.3 g - Agar: 13.6 g *Có giấy chứng nhận COA	Chai	3	

17	MT Sabouraud Chloramphenicol dextrose agar	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Dextrose: 40,0 g - Casein thủy phân bởi pancreatin: 5,0 g - Pepton từ mô động vật: 5,0 g - Chloramphenicol: 0,05g - Thạch: 15,0 g Có giấy chứng nhận COA	Chai	4	Độ nhiễm khuẩn mẫu thuốc và thực phẩm
18	MT Thạch Glucose	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): Tryptone 10 g Yeast extract 1,5 g Glucose 10 g Sodium chloride 5 g Bromcresol purple 0,015 g Agar 9 g - 18 g Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	
19	MT Tryptone Bile X- Glucuronic Agar	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Enzymatic digest of casein (Tryptone:) 20.0g - Bile salts No. 3 1.5g - 5-Bromo-4-chloro-3-indolyl - β -glucuronic acid (BCIG)/X-Glucoronide: 0.075g - Dimethyl sulfoxide (DMSO) 3.0 ml - Agar 9.0-18.0g Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	Định lượng E.coli trong TPBVSK

20	MT Violet Red Bile Glucose agar (VRBG agar)	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Agar: 12.0 g - Bile salts No.3: 1.5 g - Crystal violet: 0.002 g - Glucose: 10.0 g - Neutral red: 0.03 g - Enzymatic digest of animal tissues: 7.0 g - Sodium chloride: 5.0 g - Yeast extract: 3.0 g Có giấy chứng nhận COA	Chai	2	Kiểm tra Enteroto trong Thuốc và TPBVSK
21	Peptone from casein (Tryptone)	Hóa chất dùng trong pha chế môi trường nuôi cấy vi sinh trong phòng thí nghiệm. Chai 500g	Chai	1	
22	Pseudomonas agar phát hiện pyoanin	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Gelatin peptone: 16.0 g - Casein hydrolysate: 10.0 g - Potassium sulphate: 10.0 g - Magnesium chloride: 1.4 g - Agar: 11.0 g *Có giấy chứng nhận COA	Chai	2	

23	RVS (Rappaport Vassiliadis Soya) Broth	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Soy peptone: 4.5 g - Sodium Chloride: 7.2 g - Magnesium Chloride Anhydrous: 13.58 g - Malachite Green: 0.036 g - Potassium Dihydrogen Phosphate: 1.26 g - Di-potassium Hydrogen Phosphat: 0.18 g Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	Kiểm tra Salmonella mẫu Thuốc
24	Tryptic Soy Agar Casein (TSA)	Chai 500g Môi trường có các thành phần sau (g/l) - Casein thủy phân bởi Pancreatin: 15,0-17,0g - Bột đậu tương thủy phân bởi Papain: 5,0 g - Natri Clorid: 5,0 g - Agar: 15,0 g pH sau khi hấp tiệt khuẩn: $7,3 \pm 0,2$ Có giấy chứng nhận COA	Chai	5	

25	Xylose Lysine Deoxycholate (XLD agar)	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Yeast Extract: 3.0 g - Sodium Chloride: 5.0 g - Xylose: 3.75 g - Lactose: 7.5 g - Sucrose: 7.5 g - L-Lysine HCl: 5.0 g - Sodium Thiosulphate: 6.8 g - Ferric Ammonium Citrate: 0.8 g - Phenol Red: 0.08 g - Sodium Deoxycholate: 1.0 g - Agar: 12.5 g Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	Kiểm tra Sal trong Thuốc và TPBVSK
Tổng cộng: 25 mặt hàng					